

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân  
kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương  
phân cấp cấp tỉnh quản lý năm 2022 sang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2022 sang năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2022 sang năm 2023 với số vốn 135.731.210.675 đồng;

Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023 trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

*(Chi tiết danh mục kéo dài như các biểu kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày            tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

***Nơi nhận:***

- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh
- Các Sở: KH&ĐT, TC; KBNN tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**Biểu số 01****DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.744.505.375</b>	
1	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	5.491.629.000	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
2	Quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	60.896.000	
3	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Lìa, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	29.715.800	
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Brai - Tà Puồng, huyện Hướng Hóa	310.042.000	
5	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thác Ba Vòi, huyện Đakrông.	347.739.000	
6	Quy hoạch chung xây dựng đô thị khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	1.000.000.000	
7	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	284.194.000	
8	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	200.153.000	
9	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	336.615.775	
10	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	4.463.752.800	
11	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	2.974.849.000	
12	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	7.432.222.000	
13	Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị	389.541.000	
14	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	922.544.000	
15	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	2.063.510.000	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
16	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	1.694.429.000	
17	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	25.357.000	
18	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	49.065.000	
19	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	485.227.000	

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
20	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	2.274.000.000	
21	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	909.024.000	

**Biểu số 02**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.973.013.300</b>	
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở</b>	<b>35.351.432.300</b>	
1	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	27.935.484.300	
2	Khu đô thị Tân Vĩnh	3.109.150.000	
3	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	46.699.000	
4	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	1.293.824.000	
5	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.237.000	CĐT theo Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh
6	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	5.175.000	CĐT theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh
7	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1.367.379.000	CĐT theo Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh
8	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	1.590.484.000	CĐT theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 01/01/2023 của UBND tỉnh
<b>II.</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG</b>	<b>49.771.372.000</b>	
1	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng QL9 đoạn từ Cảng Cửa Việt đến QL1	16.406.633.000	
2	Dự án Đường ven biển kế nối hành lang kinh tế Đông Tây - Giai đoạn 1	29.654.817.000	
3	Đường gom từ các lối đi tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	1.015.664.000	
4	Kênh tiêu Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	20.903.000	
5	Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh	1.375.346.000	
6	Kênh tiêu úng Mụ Cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong	1.298.009.000	
<b>III</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KHU KTTM ĐẶC BIỆT LAO BẢO</b>	<b>850.209.000</b>	
1	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang (giai đoạn 1)	850.209.000	

**Biểu số 03****DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN  
VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	773.784.000	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
2	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	165.656.000	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ; hạng mục: Nhà y tế dự phòng và các hạng mục phụ trợ	150.000.000	
4	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới		
-	Huyện Hải Lăng	500.000.000	CĐT theo Quyết định số 2983/QĐ- UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh
-	Huyện Triệu Phong	1.000.000.000	CĐT theo Quyết định số 09/QĐ- UBND ngày 01/01/2023 của UBND tỉnh
-	Huyện Gio Linh	1.267.000	CĐT theo Quyết định số 3131/QĐ- UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh

**Biểu số 04**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>HUYỆN VĨNH LINH</b>	<b>1.000.000.000</b>	
	<b>Xã Kim Thạch</b>	<b>1.000.000.000</b>	
1	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Xóm Bọc, xã Kim Thạch	280.000.000	
2	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Thủy Bắc, xã Kim Thạch	252.000.000	
3	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Thủy Trung, xã Kim Thạch	150.500.000	
4	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Rọc, xã Kim Thạch	189.000.000	
5	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Hương Bắc, xã Kim Thạch	128.500.000	
<b>II</b>	<b>HUYỆN HƯỚNG HÓA</b>	<b>45.884.000</b>	
	<b>Xã Tân Hợp</b>	<b>45.884.000</b>	
1	Trường Mầm non Tân Hợp; Hạng mục: Cải tạo khối phụ trợ hành chính, gara xe, mái che	18.224.000	
2	Trường TH và THCS Tân Hợp; Hạng mục: Sửa chữa 04 phòng học, sân bê tông, sân thể thao, bãi tập, kè	27.660.000	
<b>III</b>	<b>HUYỆN ĐAKRÔNG</b>	<b>2.590.000</b>	
	<b>Xã Triệu Nguyên</b>	<b>2.590.000</b>	
1	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng thôn Xuân Lâm, xã Triệu Nguyên	2.590.000	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CAM LỘ</b>	<b>51.262.000</b>	
	<b>Xã Cam Nghĩa</b>	<b>51.262.000</b>	
1	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Cam Lộ Phường	51.262.000	
<b>V</b>	<b>HUYỆN GIO LINH</b>	<b>2.581.271.000</b>	
	<b>Xã Hải Thái</b>	<b>548.000.000</b>	
1	Đường bê tông thôn Hải An	368.000.000	
2	Đường bê tông thôn Hải Hòa	180.000.000	
	<b>Xã Trung Sơn</b>	<b>9.738.000</b>	
1	Sân văn hóa thể dục thể thao xã Trung Sơn	9.738.000	
	<b>Xã Gio Châu</b>	<b>2.023.533.000</b>	
1	Đường xã đi qua địa bàn thôn Hà Trung (Đoạn từ nhà bà Trần Thị Liễu đến nhà ông Trần Ngọc Thành)	744.087.000	
2	Đường xã đi qua địa bàn thôn Hà Thượng (Đoạn từ nhà ông Phan Hiền đến nhà ông Hoàng Xuân Thắng)	539.446.000	
3	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Hà Thượng (đoạn từ nhà ông Phan Nông đến trại gà A Hiền)	740.000.000	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN HẢI LĂNG</b>	<b>4.003.511.000</b>	
	<b>Các công trình hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM</b>	<b>3.994.000.000</b>	
1	Tuyến nhánh ĐH49B	1.050.000.000	
2	Nâng cấp đường Thị trấn - Bến Mung (ĐH.54)	1.944.000.000	
3	Đường Hải Chánh- Đá bạc (ĐH.59) (Gđ1)	1.000.000.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
	<b>Xã Hải Khê</b>	<b>9.511.000</b>	
1	Điểm trung chuyển và đường vào bãi rác thải thôn Thâm Khê	845.000	
2	Xây dựng sân thể thao và khán đài thôn Thâm Khê	3.093.000	
3	KCH-GTNT đội 3, thôn Trung An	5.573.000	
<b>VII</b>	<b>HUYỆN TRIỆU PHONG</b>	<b>5.738.467.000</b>	
	<b>Xã Triệu Lăng</b>	<b>1.960.730.000</b>	
1	Xây dựng 02 phòng học khu vực Tiểu học của Trường TH&THCS Triệu Lăng	533.415.000	
2	Xây dựng 04 phòng bộ môn khu vực THCS của Trường TH&THCS Triệu Lăng	1.427.315.000	
	<b>Xã Triệu An</b>	<b>2.242.147.000</b>	
1	Xây mới 03 phòng học Trường mầm non Triệu An	2.242.147.000	
	<b>Xã Triệu Vân</b>	<b>535.590.000</b>	
1	Xây dựng địa điểm buôn bán tập trung làm nơi mua bán, trao đổi hàng hóa. Đổ mặt bằng bê tông, đổ trụ bê tông và lợp mái tôn.	535.590.000	
	<b>Xã Triệu Trạch</b>	<b>400.000.000</b>	
1	Đường BTXM thôn Linh An xã Triệu Trạch	200.000.000	
2	Xây dựng các bãi tập kết rác xã Triệu Trạch	200.000.000	
	<b>Xã Triệu Ái</b>	<b>300.000.000</b>	
1	Xây mới sân Nhà đa năng xã tại Hà Xá xã Triệu Ái	200.000.000	
2	Xây mới sân nhà sinh hoạt thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái	100.000.000	
	<b>Xã Triệu Tài</b>	<b>300.000.000</b>	
1	Nâng cấp sửa chữa khuôn viên trung tâm học tập cộng đồng xã Triệu Tài	300.000.000	
<b>VIII</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện NQ 02/2019/NQ-HĐND về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030</b>	<b>2.000.000.000</b>	
1	Hỗ trợ các dự án liên kết khác theo quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	2.000.000.000	